

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 35
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún gạo nấu tôm tươi, giá, hẹ, su su, cải thìa.
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Canh thịt bò nấu rau ngót, nấm bào ngư.
- Cá cờ sốt cà chua, hành, ngò.
Xế: Bánh pudding.
Chiều: Miến nấu thịt gà, bắp mỹ, bông cải xanh, cải caron.

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	200	3,140	6,280
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,200	2,560	30,720
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	6,300	3,150
9	0185	Tỏi ta	50	7,460	3,730
10	0653	Bún khô	500	4,950	24,750
11	0424	Tôm sú	400	32,550	130,200
12	0124	Hẹ lá	50	4,830	2,415
13	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
14	0180	Su su	100	3,260	3,260
15	0097	Cải thìa (cải trắng)	100	5,040	5,040
16	0654	Phi lê cá cờ	700	21,950	153,650
17	0087	Cà chua	500	7,350	36,750
18	0168	Rau ngót	400	5,570	22,280
19	0286	Thịt bò loại II	200	37,280	74,560
20	N0778	Nấm bào ngư	100	12,600	12,600
21	0038	Miến dong	500	5,390	26,950
22	0371	Thịt gà công nghiệp (lườn/ức)	300	12,920	38,760
23	0007	Ngò bấp tươi	100	3,680	3,680
24	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	7,350	7,350
25	0098	Cải xanh	100	4,310	4,310
26	0646	Bánh pudding	1,400	11,800	165,200

27	0457	Sữa bột toàn phần	2,482.85	20,500	508,984
Tổng cộng					1,294,999

Tổng tiền thực phẩm	1,294,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,295,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	19,314,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	19,313,998

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Phuong

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Anh Phương

Ngô Thị Ngọc Lan